

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 275 /2021/DS-PT

Ngày 24/12/2021

*V/v Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Tấn Tài- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16, 24/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đ (gọi tắt là Công ty D); *Người đại diện theo pháp luật của công ty:* Ông Ngô Văn T, Chức vụ: Giám đốc. (Theo Công ty TNHH-DVPT NN Đ đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/11/2021).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy K- Chức vụ: Kế toán trưởng. Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 29.2021/DASCO/UQ ngày 15/12/2021 của Giám đốc Công ty DASC);

Địa chỉ trụ sở chính: Số, Tổ, ấp An Đ, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn:** Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Lợi A, xã Thanh M, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền chứng thực số: 812, quyền số: 01/2019-SCT/CK ngày 19/9/2019.

Địa chỉ: Sô, ấp An Đ, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Ngọc Thắng: Luật sư Nguyễn Xuân N – Công ty Luật hợp danh Anh Em - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Sô, Quốc lộ, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Phan Thanh V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hồ Văn M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Ngọc T là bị đơn.

*** Kháng nghị:** Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp M.

Bà K, chị Q, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Ông V, ông M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp ĐT (gọi tắt là Công ty D) trình bày:

Ngày 01/10/2011, Công ty D ra Quyết định số 35/QĐ-DAS về việc mở Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp ĐT tại Vương Quốc Campuchia.

Ngày 01/10/2011, Công ty D ký Hợp đồng lao động số: 0118/HĐLĐ.DAS với ông Nguyễn Ngọc T. Đến ngày 06/12/2012, Giám đốc Công ty D ký quyết định điều động T giữ chức vụ Phó phòng Bán hàng-Marketing Công ty kiêm Giám đốc điều hành Chi nhánh Campuchia (CPC).

Ngày 02/01/2013, Nguyễn Ngọc T trực tiếp tuyển dụng hai nhân sự: Ông Phan Thanh V giữ chức vụ Kế toán (Hợp đồng lao động số: 03/HĐLĐ), Giám đốc Công ty bổ nhiệm Phan Thanh V Kế toán trưởng Chi nhánh vào tháng 6/2013, Quyết định số 38/QĐ/DAS ngày 12/6/2013); Ông Phan Hoàng T giữ

chức vụ Nhân viên kinh doanh kiêm Thông dịch viên (Hợp đồng lao động số: 01/HĐLD).

Kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động cho đến ngày 31/12/2012, Chi nhánh D CPC chưa phát sinh công nợ do sản phẩm và thị trường tiêu thụ còn mới mẽ nên cần xây dựng thị trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm. Xét thấy, yêu cầu trên của Chi nhánh D CPC là thiết yếu, Giám đốc Công ty D cho phép Chi nhánh bán gởi đầu hoặc cho khách hàng nợ 40 ngày. Tính đến 9/2013 công nợ của Chi nhánh D CPC do ông Nguyễn Ngọc T điều hành đã lên đến 1.620.232.000 đồng.

Sau khi được báo cáo tình hình kinh doanh của Chi nhánh D CPC và phát hiện có nhiều công nợ chưa được xác nhận định kỳ, tại Biên bản họp giao ban ngày 06/8/2013 Giám đốc Công ty D đã quán triệt chủ trương tạm ngưng bán nợ cho khách hàng, tập trung thu hồi nợ và đề nghị Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Ngọc T chỉ đạo nhân viên đối chiếu công nợ và thu hồi nợ tồn đọng. Tuy nhiên, ông T không những không thực hiện chủ trương mà tiếp tục có những hành vi sai phạm là thất thoát tài sản, cụ thể như sau:

Tháng 11/2013, T và Vệ về Việt Nam thì Phan Hoàng T tự mở kho xuất bán hàng cho ông L (Tên gọi khác là L - Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Pray Veng) với tổng giá trị 591.365.000 đồng mà không có xác nhận công nợ.

Năm 2014, ông T tự ý bán trả chậm mà không được phép của Ban Lãnh đạo Công ty với số tiền 399.154.465 đồng (Bán cho Nông trường Dam Chanh S và cho khách hàng Dam Sóc T).

Công ty D đã yêu cầu ông T nhiều lần giải trình và có biện pháp khắc phục và đồng thời tổ chức nhiều cuộc họp để nghe ông T trình bày. Cụ thể tại các cuộc họp như sau:

Biên bản họp ngày 26/9/2014, tại Hội trường Công ty D;

Biên bản họp ngày 17/12/2014, tại Chi nhánh D CPC;

Biên bản họp ngày 23/12/2014, tại Chi nhánh D CPC;

Biên bản họp ngày 25/12/2014, tại Chi nhánh D CPC, ông T, ông V, ông T đã chấp nhận chịu hoàn toàn trách nhiệm về các khoản công nợ phát sinh trong quá trình hoạt động Chi nhánh D CPC.

Năm 2015, Công ty cử đại diện xác minh tại Campuchia thì được biết các khách hàng đã thanh toán tiền hàng cho Công ty nhưng ông T khai là do Phan Hoàng T đã tự ý chiếm đoạt không nộp cho Công ty. Trên thực tế, Phan Hoàng T đã bỏ trốn nên không đối chất được.

Căn cứ theo Hợp đồng lao động đã ký với Nguyễn Ngọc T, căn cứ theo các quy định của Luật lao động về trách nhiệm của cán bộ quản lý và Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại và sự tự nguyện cam kết chịu trách nhiệm về các khoản công nợ của Nguyễn Ngọc T với tư cách là cán bộ quản lý, người lao động của Chi nhánh. Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc Nguyễn Ngọc T với tư cách là Giám đốc Chi nhánh, chịu mọi trách nhiệm về hoạt động của Chi nhánh, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty D các khoản thiệt hại số tiền thất thoát là 2.610.751.495 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) và thiệt hại phát sinh trên số tiền 2.610.751.495đ tính bằng lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Nguyên đơn thực nhận đủ số tiền bồi thường này.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, người đại diện theo ủy quyền của ông T là chị Phan Thị Thảo Q, trình bày:

Năm 2011, Công ty D thành lập Chi nhánh tại và bổ nhiệm ông T làm Giám đốc Chi nhánh. Khi Chi nhánh đi vào hoạt động gồm 05 người: Giám đốc Chi nhánh ông Nguyễn Ngọc T, ông Hồ Văn M Phó Giám đốc Chi nhánh, ông Phan Thanh V Kế toán, ông Phan Hoàng T Nhân viên thị trường, bà N Nhân viên kinh doanh. Ngày 06/12/2012, Công ty điều ông T về Việt Nam làm Phó Phòng bán hàng kiêm Giám đốc Chi nhánh Campuchia. Hoạt động Chi nhánh Campuchia do Hồ Văn M điều hành. Hoạt động bán hàng của Chi nhánh theo chính sách Công ty lúc đầu bán gởi đầu hoặc cho nợ 40 ngày. Giai đoạn đầu khách hàng thanh toán đúng hạn nhưng sau do lợi dụng tình hình chính trị Campuchia bất ổn nên khách hàng nợ đến tháng 9/2013 là 1.658.306.000 đồng.

Tháng 11/2013 nhân viên ông T tự ý mở kho bán hàng trị giá 578.640.000 đồng, sự việc có báo cho Lãnh đạo Công ty D. Ông T cùng với ông T, ông V đến gặp người mà ông T bán hàng, ông T trao đổi với họ có hạn 30 ngày thanh toán, ông T có đem về xác nhận nợ có dấu của ông L (người mua hàng).

Năm 2014, Công ty D có chuyển sản phẩm qua bán cho hai khách hàng là Dam Chanh S và Dam Sóc T với tổng nợ là 400.654.000 đồng, khi đến xác nhận công nợ thì khách hàng cho là đã trả cho Phan Hoàng T.

Năm 2015, Công ty có nhờ ông K Lai hỗ trợ xác nhận nợ và thu hồi nợ. Qua 2 lần phát thư mời và Luật sư của ông xác nhận là khách hàng nói đã trả tiền cho Tr trước đó.

Nay, Công ty yêu cầu bồi thường thiệt hại 2.610.751.495 đồng, ông T không đồng ý bồi thường. Yêu cầu làm rõ trách nhiệm những người liên quan là ông Hồ Văn M, ông Phan Thanh V và truy tìm ông Phan Hoàng Tr.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn M trình bày:

Anh M làm Phó Giám đốc Chi nhánh cuối năm 2012 đến khoảng 9/2013. Phương thức bán hàng của Chi nhánh Campuchia là nhập hàng từ Công ty D. Anh với anh Phan Hoàng Tr đến các đại lý ở Campuchia để chào hàng, có gì thì anh Tr phiên dịch ra và khách hàng đặt hàng với anh Tr và liên hệ qua số điện thoại với anh Tr và anh Tr báo lại với kế toán ra hóa đơn. Anh Tr nhận hàng, giao hàng và thu tiền nộp cho thủ quỹ. Do đặc điểm tình hình Campuchia không thể bán hàng tiền mặt được nên anh và anh T xin ý kiến Giám đốc, Giám đốc chỉ đạo cho bán hàng trả chậm 40 ngày hoặc gởi đầu. Lúc đầu khách hàng trả đúng hạn, về sau khách hàng trả không đúng hạn do tình hình an ninh Campuchia bất ổn. Khi có Quyết định điều về Công ty, bàn giao công nợ 1.789.561.000 đồng nguyên nhân như sau: Anh không biết tiếng Campuchia nên việc mua bán hàng và nhận tiền đều do anh Tr đảm nhiệm, anh không kiểm tra được, chỉ nhắc nhở anh Tr thì lúc đó anh Tr nói khách hàng viện nhiều lý do; Số công nợ trên thì anh V đối chiếu với anh Tr 1.789.561.000đ, thực tế những hóa đơn xuất đi thì nhiều khi khách hàng không ký nhận giao lại. Công nợ đối chiếu nhập trên máy. Thời gian anh phụ trách Chi nhánh Campuchia, anh đều có báo với anh T, anh T báo lại Công ty. Hàng tháng hoạt động Chi nhánh Campuchia thì anh cùng với anh V về Công ty báo cáo.

Thiệt hại Công ty anh không đồng ý bồi thường vì anh là người làm công ăn lương và trước khi anh bàn giao, Công ty đã thành lập Đoàn giám sát về công nợ và đã xác nhận từng công nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh V trình bày:

Chi nhánh Công ty tại Campuchia, anh làm kế toán kiêm thủ quỹ, còn anh T làm Giám đốc, chị N phụ anh làm kế toán, phiên dịch, trực điện thoại bán hàng. Còn anh Tr nhân viên bán hàng và dịch tiếng Campuchia. Khi thành lập Chi nhánh anh T có qua Chi nhánh khoảng 01 tháng, anh M có quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh thì điều anh M qua Chi nhánh điều hành

hoạt động kinh doanh và rút anh T về Việt Nam. Khi bán hàng anh là người xuất hóa đơn, đại lý mua tiền mặt không ký vào hóa đơn, mua trả chậm thì ký vào và anh là người giữ để đối chiếu. Anh Tr là người bán hàng, thu tiền về nộp cho anh, giữa anh và anh Tr có đối chiếu hàng tháng và đưa danh sách công nợ cho anh Tr đi thu. Về chị N, trong hợp đồng ghi chị là chủ quỹ nhưng không giữ tiền mà tiền do anh giữ.

Lúc đầu Lãnh đạo Công ty không cho bán trả chậm phải thu tiền mặt nhưng Chi nhánh bán tiền mặt thì không có doanh thu nên anh T, anh M xin ý kiến Lãnh đạo Công ty cho bán trả chậm hoặc gởi đầu. Lúc đầu khách hàng cũng thực hiện tốt nhưng sau đó tình hình Campuchia bất ổn nên nợ bị trì trệ, anh và anh T báo về Công ty hỗ trợ đưa anh Th qua thu nợ nhưng anh Tr không dẫn đi xác nhận nợ nên anh Th về báo Công ty D, sau đó có hợp nhưng không có biện pháp gì. Về công nợ có xác nhận công nợ nhưng không đầy đủ, không biết bản chính có đưa nhờ ông L, ông S hay không thì anh không biết vì anh đã bàn giao lại. Anh T, anh Tr có thu bỏ túi riêng hay không thì anh không biết. Hồ sơ sổ sách anh đã bàn giao xong không còn trách nhiệm gì trong phần thiệt hại.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ về yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất ngân hàng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày nhận đủ tiền bồi thường.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ đối với số tiền 2.221.597.030 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ đối với số tiền 399.154.465 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Ngọc T bồi thường cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ số tiền 399.154.465 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.231.941 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.221.503 đồng theo biên lai thu số 02753 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ còn phải nộp thêm 19.010.000 đồng (Mười chín triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 19.958.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 9 năm 2020, ông Nguyễn Ngọc T là bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Ông T không đồng ý trả cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đ số tiền 399.154.495 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng).

Ngày 01/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số: 41/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm: Do việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ, đồng thời tranh chấp trong vụ án hiện liên quan đến đương sự là người liên quan cùng với tài sản ở Campuchia.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T cho rằng ông T đã thực hiện đúng chủ trương, chỉ đạo của Giám đốc Công ty D là cho phép bán hàng nợ chậm trả hoặc gói đầu, thể hiện theo biên bản ngày 06/8/2013, Hợp đồng kinh tế số 53-2014/HĐKT ngày 07/5/2014, Kế hoạch số 12/KH.Cam ngày 29/4/2014, xác nhận của ông Võ Hùng Nh ngày 26/8/2020. Việc khách hàng nợ chưa trả không phải là trách nhiệm của ông T, về chứng cứ không rõ ràng, chỉ bản sao không có chữ ký của người mua hàng và đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, không chấp nhận khởi kiện của Công ty D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 01/10/2011, Công ty D ký Hợp đồng lao động số: 0118/HĐLĐ.DAS với ông Nguyễn Ngọc Thắng. Đến ngày 01/11/2011, Công ty D ra Quyết định số 35/QĐ-DAS về việc mở Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ tại Vương Quốc Campuchia, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc T làm Giám đốc Chi nhánh. Ngày 06/12/2012 Công ty D bãi miễn chức vụ Giám đốc Chi nhánh và cùng ngày 06/12/2012 bổ nhiệm ông T làm Phó Phòng bán hàng - Marketing Công ty D kiêm Giám đốc điều hành Chi nhánh tại Campuchia (CPC).

[2] Ngày 02/01/2013, Nguyễn Ngọc T trực tiếp tuyển dụng 02 nhân sự gồm: Ông Phan Hoàng Tr làm Nhân viên kinh doanh (kiêm Thông dịch viên theo Hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ) và ông Phan Thanh V giữ chức vụ Kế toán (Hợp đồng lao động số: 03/HĐLĐ). Ngày 12/6/2013, Giám đốc Công ty D bổ nhiệm Phan Thanh V Kế toán trưởng Chi nhánh (Quyết định số 38/QĐ/DAS ngày 12/6/2013).

[3] Do sản phẩm và thị trường mới, Giám đốc Công ty D cho phép Chi nhánh bán gỏi đầu hoặc cho khách hàng nợ 40 ngày. Tính từ ngày Chi nhánh đi vào hoạt động đến 9/2013 công nợ của Chi nhánh D CPC do ông Nguyễn Ngọc T điều hành đã lên đến 1.620.232.000 đồng, nên Giám đốc Công ty D đã quán triệt chủ trương tạm ngưng bán nợ cho khách hàng, tập trung thu hồi nợ và đề nghị Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Ngọc T chỉ đạo nhân viên đối chiếu công nợ và thu hồi nợ tồn đọng, nhưng ông T và các nhân viên Chi nhánh Campuchia không thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty D cụ thể: Nhân viên Chi nhánh tự ý lấy hàng bán... và ông T thống nhất bán trả chậm Nông trường Dam Chanh S và cho khách hàng Dam Sóc T số tiền 399.154.465 đồng.

[4] Công ty D khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc T với tư cách là Giám đốc Chi nhánh, chịu mọi trách nhiệm về hoạt động của Chi nhánh, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty D các khoản thiệt hại số tiền thất thoát là 2.610.751.495 đồng và tính bằng lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện.

Ông T không đồng ý.

Án sơ thẩm xử buộc ông T bồi thường số tiền 399.154.465 đồng.

Ông T không đồng có đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười có Quyết định kháng nghị.

[5] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T không đồng ý bồi thường số tiền 399.154.465 đồng. Xét thấy, ông T ký hợp đồng lao động với Công ty D không xác định thời hạn và được Công ty D bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh tại Campuchia chịu trách nhiệm việc quản lý, điều hành Chi nhánh tại Campuchia. Ông T thừa nhận tính đến cuối năm 2014 thì các khách hàng còn nợ số tiền 2.610.751.495 đồng, trong đó có 02 khách hàng là ông Dam Chanh S và ông Dam Sóc T còn nợ số tiền 399.154.465 đồng. Số tiền 399.154.465 đồng được xác định là bán vào thời điểm từ tháng 6-8 năm 2014, sau thời điểm Giám đốc Công ty D chỉ đạo ngưng bán nợ (tháng 10 năm 2013).

[6] Theo các hóa đơn do Công ty D cung cấp, mặc dù không có bản chính, nhưng ông T thừa nhận 02 khách hàng là ông Dam Chanh S và ông Dam Sóc T còn nợ số tiền 399.154.465 đồng. Theo các hóa đơn ông Tr trực tiếp bán hàng và Lãnh đạo Chi nhánh có ông T ký tên.

[7] Theo tờ tường trình ngày 27/01/2015, bản khai ngày 03/5/2017 (bút lục 75, 160), ông T thừa nhận từ tháng 10/2013 Giám đốc Công ty D có chỉ đạo Chi nhánh chấm dứt bán nợ cho khách hàng và theo kế hoạch số 12/KH.Cam ngày 29/4/2014, Giám đốc Công ty D duyệt là Chi nhánh bán tiền mặt, không bán thiếu.

[8] Tại Biên bản cuộc họp ngày 17/12/2014 và ngày 25/12/2014 có thể hiện các khoản nợ Dam Chanh S và Dam Sóc T. Ông T, ông V và ông Tr thống nhất ký tên vào biên bản chịu trách nhiệm về số nợ trên (Dam Chanh S và Dam Sóc T).

[9] Theo khoản 2, Điều 3 của Hợp đồng lao động ngày 01/11/2011 được ký giữa Công ty D với ông T quy định: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động:...

2. Nghĩa vụ:

Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động. Chấp hành lệnh điều hành sản xuất-kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...bồi thường vi phạm và vật chất: Tùy theo mức độ vi phạm và thiệt hại để đưa ra mức bồi thường tương ứng với quy định trong nội quy lao động.

Điều 21: Nội quy lao động của Công ty D năm 2008 quy định: Người lao động vi phạm chức trách, nhiệm vụ được giao do cố tình làm sai hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại...

[10] Đối với việc ông T cho rằng đã thực hiện đúng theo chủ trương và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty D trong việc mua bán hàng hóa là cho phép Chi nhánh bán hàng hóa cho khách hàng chậm trả, số tiền nợ phát sinh là do khách hàng không thực hiện trả đúng hạn, dẫn đến nợ. Đồng thời ông T có cung cấp xác nhận ngày 26/6/2020 của ông Võ Hùng Nh - Phó Giám đốc Công ty D để chứng minh Công ty D cho phép bán cho khách hàng chậm trả tiền, nhưng theo nội dung giấy xác nhận ngày 26/8/2020 của ông Nh không thể hiện là sau tháng 10 năm 2013, Lãnh đạo Công ty D cho phép Chi nhánh bán hàng hóa cho khách hàng chậm trả tiền và ông T không có chứng cứ chứng minh là sau tháng 10 năm 2013, Lãnh đạo Công ty D cho phép Chi nhánh bán hàng hóa cho khách hàng chậm trả tiền.

Như vậy, ông T là Giám đốc Chi nhánh quản lý, điều hành Chi nhánh mà không thực hiện chỉ đạo của Giám đốc Công ty D là không bán hàng hóa nợ cho khách hàng, nhưng ông T vẫn bán hàng hóa cho khách hàng nợ, nên ông T đã vi phạm Hợp đồng lao động và Nội quy lao động, cho nên Công ty D yêu cầu ông T bồi thường số tiền mà 02 khách hàng (Dam Chanh S và Dam Sóc T) còn nợ là 399.154.465 đồng. Án sơ thẩm buộc ông T bồi thường số tiền 399.154.465 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của ông T là không có căn cứ.

[11] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ, đồng thời tranh chấp trong vụ án hiện liên quan đến đương sự là người liên quan cùng với tài sản ở Campuchia, nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Xét thấy, Công ty D khởi kiện yêu cầu ông T với tư cách là người quản lý, điều hành Chi nhánh không thực hiện đúng sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty D phải bồi thường thiệt hại cho Công ty D tổng cộng là 2.610.751.495 đồng. Ông T, ông V thừa nhận khách hàng còn nợ 2.610.751.495 đồng (trong đó có số tiền 399.154.465 đồng mà khách hàng Dam Chanh S và Dam Sóc T còn nợ). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng không thu được nợ không phải hoàn toàn lỗi của ông T-Giám đốc Chi nhánh, mà được sự cho phép của Giám đốc Công ty D cho phép bán hàng chậm trả

hoặc bán gói đầu...nên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty D đối với số tiền 2.221.597.030 đồng, Công ty D không kháng cáo. Ông T thừa nhận 02 khách hàng Dam Chanh S và Dam Sóc T còn nợ 399.154.465 đồng, nên không cần thiết thu thập các chứng cứ khác.

Chi nhánh của Công ty D được thành lập và hoạt động tại Campuchia trực thuộc Công ty D. Theo Công D từ cuối năm 2014, thì Chi nhánh ngừng hoạt động, ngày 30/6/2015 Chi nhánh bàn giao toàn bộ sổ sách cho Công ty D có trụ sở chính tại Số 539A, Tổ 20, ấp An Định, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, ông T hiện đang sinh sống định cư tại ấp Lợi An, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, không còn ở Campuchia, Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

[12] Đối với ông Phan Hoàng Tr ký hợp đồng lao động với ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện Chi nhánh Campuchia, hiện nay không xác định được địa chỉ của ông Tr. Công ty D khởi kiện chỉ yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại với tư cách là người quản lý, điều hành, trong trường hợp ông T có yêu cầu những người có liên quan cùng chịu trách nhiệm hoàn trả lại số tiền mà ông T bồi thường cho Công ty D thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[13] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là chấp nhận kháng cáo của ông T, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D cũng như phần nhận định, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Xét, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 157, 244; Khoản 1, Điều 148; Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ về yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất ngân hàng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày nhận đủ tiền bồi thường.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ đối với số tiền 2.221.597.030 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn không trăm bao mươi đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ đối với số tiền 399.154.465 đồng (tính tròn 399.154.000 đồng, ba trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Ngọc T bồi thường cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ số tiền 399.154.465 đồng (tính tròn 399.154.000 đồng, ba trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Công ty TNHH MTV Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.231.941 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.221.503 đồng theo biên lai thu số 02753 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Công ty TNHH MTV Dịch

vụ phát triển nông nghiệp Đ nay là Công ty cổ phần Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đ còn phải nộp thêm 19.010.000 đồng (Mười chín triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 19.958.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông T theo biên lai thu số 0006460 ngày 29/9/2020 là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền án phí. Ông T còn phải nộp 19.958.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng